

Số: 984/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 23 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand ngày 26 tháng 03 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 288/TTr-STNMT ngày 19 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand địa chỉ tại nhà xưởng FA5-2, lô số 7, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand tại nhà xưởng FA5-2, lô số 7, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Dự án Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng FA5-2, lô số 7, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801411202 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần

đầu ngày 02/12/2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4375783345 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 29/11/2023.

1.4. Mã số thuế: 0801411202.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất loa âm thanh.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích nhà xưởng: 3.723,68 m².

- Công suất:

Sản xuất loa âm thanh: Năm thứ nhất 48.266 kg/năm (449.552 sản phẩm/năm); năm thứ hai 80.860 kg/năm (753.134 sản phẩm/năm); các năm ổn định tiếp theo 91.260 kg/năm (850.000 sản phẩm/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường đến ngày 15 tháng 11 năm 2026.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH công nghệ Treasure Grand;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 984/GPMT-UBND
ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom, xử lý, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV Phát triển công nghiệp BW Hải Dương - HD03. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu nước thải và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Cẩm Điền - Lương Điền, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand có trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV Phát triển công nghiệp BW Hải Dương - HD03.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ 2 khu vực nhà vệ sinh sau khi xử lý qua bể phốt thể tích 11m³/bể theo đường ống HDPE DN300 dài 185m, i = 0,33% tự chảy vào hệ thống xử lý công suất 200m³/ngày đêm của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - HD03.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cam kết với Công ty TNHH Vsip Hải Dương (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền) được đầu nối vào hệ thống thu nước thải chung của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền tại 01 điểm đầu nối qua đường ống HDPE D100, dài 15m.

b) Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất

Không phát sinh nước thải sản xuất

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Gồm 02 bể phốt tương ứng với 02 nhà vệ sinh, thể tích V = 11m³/bể được xây ngầm bên ngoài khối nhà.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bổ sung men vi sinh để tăng cường hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt tại các bể tự hoại, ngăn ngừa tình trạng tắc nghẽn bể tự hoại.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - HD03.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án trước khi tuần hoàn tái sử dụng hoặc xả vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - HD03; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - HD03.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 984/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ khu vực dây chuyền lắp ráp số 4 gồm có 5 vị trí.
- Nguồn số 2: Bụi, khí thải từ khu vực dây chuyền lắp ráp số 3 gồm có 4 vị trí.
- Nguồn số 3: Bụi, khí thải từ khu vực dây chuyền lắp ráp số 2 gồm có 5 vị trí.
- Nguồn số 4: Bụi, khí thải từ khu vực dây chuyền lắp ráp số 1 gồm có 4 vị trí.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng 01 hệ thống xử lý khí thải chung.

2.1. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X(m): 2316104; Y(m): 570077.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả thải tối đa: $5.200 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải trực tiếp 16h/24h.

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:* Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, C_{max} : $K_p=1$, $K_v=1$; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN19:2009/ BTNMT (Mức B với $K_p=1$; $K_v=1$)	QCVN20:2009 /BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-		Không tiến hành quan trắc	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi	mg/Nm^3	200	-		
3	Etyl axetat	mg/Nm^3	-	1.400		
4	Metyl cylohexan	mg/Nm^3	-	2.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom bụi từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải, bụi phát sinh từ khu vực dây chuyền lắp ráp do hoạt động hàn tay, gắn keo được hút vào ống gió gió D100, 3,5m/vị trí vào hệ thống ống gió 300x300 dài 35m. Khí thải sau khi xử lý theo 1 ống thải cao 8,1 (cao hơn mái 0,5m) thải ra ngoài môi trường đạt quy chuẩn cho phép theo mức B QCVN19:2009/BTNMT ($K_p=1$; $K_v=1$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý

- Quy trình công nghệ:

Khí thải sản xuất (khí thải từ khu vực keo, hàn tay) → ống mềm → đường ống thu gom → đường ống dẫn chung → hệ thống hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → ống thải.

- Công suất thiết kế: 5.200 m³/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

+ Hệ thống thu gom khu vực chuyên lắp ráp số 4: 05 vị trí ống nhôm mềm định hình D100, phễu hút kèm van gió D100, miệng D230.

+ Hệ thống thu gom khu vực chuyên lắp ráp số 3: 04 vị trí ống nhôm mềm định hình D100, phễu hút kèm van gió D100, miệng D230.

+ Hệ thống thu gom khu vực chuyên lắp ráp số 2: 05 vị trí ống nhôm mềm định hình D100, phễu hút kèm van gió D100, miệng D230.

+ Hệ thống thu gom khu vực chuyên lắp ráp số 1: 04 vị trí ống nhôm mềm định hình D100, phễu hút kèm van gió D100, miệng D230.

+ Hệ thống thu gom chung: Khí thải từ các khu vực phát sinh theo đường ống dẫn riêng của từng khu sau đó được đầu nối vào hệ thống đường ống chính bao gồm ống 300x300.

+ Quạt hút: 01 chiếc; công suất: 5.200 m³/h.

+ Thiết bị hấp phụ: Hình trụ, kích thước: 600x600x1.000mm. Khối lượng than hoạt tính khoảng 20kg.

+ Ống thải: 01 chiếc, cao 8,1m, cao hơn mái 0,5m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Hóa chất: Không sử dụng.

+ Vật liệu: Than hoạt tính với khối lượng 40kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải và vận hành hệ thống theo quy trình đã xây dựng.

+ Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ hàng năm.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, quạt hút, khả năng hấp phụ của than hoạt tính.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng gồm quạt hút công suất 30.000m³/h để thay thế kịp thời khi thiết bị hỏng.

- Biện pháp khắc phục sự cố:

+ Công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động.

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ).

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng).

+ Xác định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý chung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1 Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của nhà máy.

3.3. Công ty TNHH Công nghệ Treasure Grand chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 984/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 1: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại hệ thống xử lý khí thải, tọa độ vị trí (Theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m) 2316104 ; Y(m): 0570077.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng ô tô, xe nâng hàng để đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Tắt tất cả các thiết bị như xe nâng, ô tô khi không sử dụng;

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 984/GPMT-UBND
ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	15
2	Sản phẩm lỗi (chiếm 0,1% tổng nguyên liệu ban đầu)	Rắn	19 02 06	91
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	10
4	Dầu máy thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị	Lỏng	17 01 07	80
5	Hộp mực in, mực in thải	Rắn	08 02 01	50
6	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	40
7	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	12 01 04	40
Tổng cộng				376

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi, hỏng (chiếm 0,4% tổng nguyên liệu ban đầu)	Rắn	-	366
2	Bao bì, thùng giấy, hộp đựng nguyên liệu đầu vào hỏng, rách	Rắn	180105	80
3	Bao nilon rách, hỏng	Rắn	180106	115
4	Palet gỗ	Rắn	180107	210
5	Bùn từ hệ thống thoát nước mưa, từ bể phốt	Rắn/lỏng	120610	8000
Tổng cộng				8.771

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 52.416 Kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 07 thùng chứa, dung tích mỗi thùng 50 lít, có nắp đậy, được dán tên và mã chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích khoảng 7m² được lưu chứa trong Container 20FT có vách ngăn đặt ngoài khu vực nhà xưởng. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định, có vật liệu hấp phụ và xéng để sử dụng trong trường hợp bị rò rỉ, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với chất thải được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 07 thùng chứa đôi loại 30 lít/thùng đặt tại khu vực phát sinh.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích khoảng 8m² được lưu chứa trong Container 20FT có vách ngăn đặt ngoài khu vực nhà xưởng giáp với kho chứa CTNH. Bên ngoài có biển báo rõ ràng, bố trí cửa ra bên ngoài riêng biệt.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng chứa loại 20 lít/thùng tại văn phòng, 2 thùng chứa 50 lít/thùng tại nhà ăn.

- Khu vực lưu chứa: 2 thùng chứa 50 lít/thùng có nắp đậy để tại vị trí giáp nhà xưởng sản xuất.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa,

ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 984/GPMT-UBND
ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.